TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIAO THUỶ** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Q và anh H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THUỶ, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ông Ngọc Lễ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Giao

Bà Quách Thị Lừng

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Trịnh Thị Mừng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giao Thuỷ, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa***: Bà Lâm Thị Tuất – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2020/ TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2020/QĐXX-ST ngày 08 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Q; sinh năm 1985; cư trú tại: xóm 7, xã Giao H, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định "có mặt"

Bị đơn: Anh Phạm Duy H; sinh năm 1985; cư trú tại: xóm 9, xã Giao , huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định "vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14-02-2020, bản tự khai ngày 05-3-2020 và tại phiên tòa chị Vũ Thị Q nguyên đơn trong vụ án trình bày: Chị và anh Phạm Duy H tự nguyện tìm hiểu, được UBND xã Giao H, huyện Giao Thủy cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 02-3-2007. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm yêu thương

và không thể chung sống với nhau được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Duy H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Quốc H sinh ngày 10-01-2008 hiện nay con chung đang ở cùng chị. Nguyện vọng của chị là chị nhận nuôi con đến tuổi trưởng thành lao động tự lập được, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ và ruộng nhận khoán hợp tác xã, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05 tháng 3 năm 2020 cháu Phạm Quốc H là con chung của chị Q, anh H trình bày cháu có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử ly hôn giữa chị Vũ Thị Q và anh Phạm Duy H. Về con chung: Giao chị Q trực tiếp nuôi cháu Phạm Quốc H, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chị Q không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét thấy nội dung nguyên đơn chị Vũ Thị Q yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, về nuôi con chung đối với anh Phạm Duy H; Địa chỉ nơi cư trú: Xóm 9, xã Giao H, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; Căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy tỉnh Nam Định. Anh Phạm Duy H (là bị đơn) đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Q và anh Phạm Duy H tự nguyện tìm hiểu, được UBND xã Giao H, huyện Giao Thủy cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02-3-2007 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống thực sự hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống.Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị Q đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Trong quá trình giải quyết vụ án anh H đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn không có mặt tại Tòa án để giải quyết thể hiện anh H không thiết tha đoàn tụ gia đình.

[3] Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Q và anh H đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chấp nhận nguyện vọng của chị Q xin ly hôn anh H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Quốc H sinh ngày 10-01-2008, hiện tại đang ở với chị Q. Nguyện vọng của chị Q được nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Cháu H cũng mong muốn được ở với mẹ. Vì vậy nên giao chị Q tiếp tục trực tiếp nuôi con là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chị Q không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Hiển có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, các mối quan hệ khác về tài sản và ruộng khoán của hợp tác xã: chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Xử ly hôn giữa: Chị Vũ Thị Q và anh Phạm Duy H.

2. Về con chung: Giao chị Vũ Thị Q tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Phạm Quốc H sinh ngày 10 tháng 01 năm 2008 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn: Chị Vũ Thị Q phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Q đã nộp theo biên lai thu số 0001216 ngày 18/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy (chị Q đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- UBND xã Giao Hương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ông Ngọc Lễ